PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385

www.pioneershipbrokers.com.vn

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**. Đây là công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 44/2020

27/10/2020 – 02/11/2020

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, điều thú vị nhất của báo cáo tuần này là có rất nhiều giao dịch mua bán tàu thành công với trên 20 thương vụ, dù chỉ số BDI chỉ còn 1.413 điểm và đã giảm 34% so với 3 tuần trước. Hiện nay người Mua mặc nhiên xem các tàu đã già thêm một tuổi do gần hết năm 2020, đồng nghĩa với giá tàu cũng phải giảm tương ứng. Ở phân khúc handysize trẻ, chủ tàu Nga chốt tàu Star Aqua (28.225 dwt đóng 2011 Nhật DD/SS 2/2021) ở mức 6,45 triệu đô la Mỹ. Tàu này chào bán trong thời gian dài và đã bị hủy hợp đồng ít nhất một lần. Có thông tin chủ tàu Nhật bán tàu K&A SP (33.170 dwt đóng 2011 Nhật DD/SS 11/2021) với mức 7,9 triệu đô la Mỹ. Đây là mức giá tương đối rẻ nếu so sánh với tàu King Coffee (32.809 dwt đóng 2012 Nhật, vừa qua đà đặc biệt tháng 8/2020, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) được bán với giá 9,25 triệu đầu tháng 9. Cuối cùng, có tin về chủ tàu Đài Loan chốt tàu New Everest (35.065 dwt đóng 2009 Nhật DD 6/2022 SS 5/2024, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) với mức 9 triệu đô la Mỹ. Đây là giá rất cao trong thời điểm hiện nay.

Ở mảng tàu dầu, dẫu đều đặn ghi nhận nhiều thương vụ mua bán tàu thành công song thị trường vẫn chưa thể khởi sắc trở lại kể từ cuối tháng 8. Các giao dịch tập trung chủ yếu ở phân khúc MR và từ Aframax trở lên. Tuần qua tàu Hik (39.999 dwt, đóng 2005 Croatia, DD 06/2021, máy chính Man-B&W, có buồng bơm) đã bán cho người mua Thổ Nhĩ Kỳ với giá 7,75 triệu đô la Mỹ. Đây là mức giá tương đối ổn khi so sánh với tàu trẻ hơn một tuổi đóng Hàn Baltic Advance (37.332 dwt, đóng 2006, DD 02/2021) bán giá 8,5 triệu đô la Mỹ đầu tháng 10.

Bên cạnh đó, ở mảng tàu LPG, có tin người Việt Nam đang đàm phán mua tàu già Gas Beauty I (55.361 dwt, đóng 1982 Phần Lan, máy chính Sulzer) với giá khoảng 12 triệu đô la Mỹ. Mặt khác, ghi nhận người Mua Anthony Veder đã mua tàu Excalibur (5.312 dwt, đóng 2012 Việt Nam (nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, Hải Phòng)) với giá 11 triệu đô la Mỹ. Được biết, tàu có máy chính Wartsila và hạn đà SS 04/2022.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Price m.usd	Buyers	Comment
			BULKERS			
Aqua Vision	2011	China	180,353	15.75	Laskaridis	DD/SS 09/2021
Tiger Guangdong	2011	China	180,099	64.00	Greek	Enbloc sale
Tiger Shandong	2011	China	180,091			
Tiger Liaoning	2011	China	180,082			
Tiger Jiangsu	2011	China	180,096			
King Ore	2010	Japan	176,944	19.20	Zodiac Maritime	DD passed 07/2020, BWTS & scrubber fitted

CSSC Wan Mei	2012	China	176,460	17.80	Berge Bulk	DD 11/2022
Dewi Parwati	2011	China	75,700	9.40	Chinese	DD/SS 05/2021
Nautical Madison	2018	China	63,372	18.50	Oman Shipping	Scrubber fitted
Cordelia B	2011	China	56,617	8.10	Undisclosed	DD/SS due 01/2021
Bright Phoenix	2011	Japan	55,636	11.00	Greek	DD/SS 03/2021
Neraida	2005	Japan	55,567	7.80	Turkish	BWTS fitted, DD passed 04/2020, SS passed 01/2020
V Arctic Tern	2002	Korea	51,536	5.40	Undisclosed	DD 12/2022, SS 11/2024
Indigo Imabari	2010	Japan	38,271	10.60	European	DD/SS passed, BWTS fitted, BBHP deal
Rook	2010	China	37,852	6.00	Danish	M/E Wartsila, DD/SS overdue
AEC Ability II	2006	Japan	37,504	6.50	Far Eastern	DD/SS due 03/2021
New Everest	2009	Japan	35,065	9.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 05/2022, SS 05/2024
MS Charm	2010	China	32,449	6.50	European	TC attached, BWTS fitted, DD freshly passed
K&A SP	2011	Japan	33,170	7.90	Undisclosed	Open hatch type, DD/SS 11/2021
Fair Winds	2009	Japan	28,434	6.50	Greek	DD 08/2022, SS 09/2024
Star Aqua	2011	Japan	28,225	6.45	Middle Eastern	DD/SS 02/2021
Glorious Sunlight	2013	Japan	28,202	7.20	Undisclosed	DD 01/2021, SS 07/2023
			TANKERS			
Skopelos	2002	Korea	319,360	25.00	Malaysian	BWTS fitted, partially coated, DD/SS passed 03/2020
Olympic Legend	2003	Korea	309,270	26.00	Chinese	
Ocean Trader	2008	China	108,770	16.50	Undisclosed	Judicial sale, DD 07/2021, SS 07/2023
Atlantic Mirage	2009	Korea	51,476	16.35	Marfleet Marine	IMO II/III, epoxy coated
Bei Jiang	2009	Korea	50,091	13.20	Greek	Epoxy coated, stst heating coils, DD 05/2022, SS 04/2024
Zhu Jiang	2009	Korea	50,091	12.80		Epoxy coated, stst heating coils, DD 10/2022, SS 09/2024
Glafkos	2013	Korea	49,997	23.00	Marfleet Marine	BWTS fitted, IMO II, stst heating coils, epoxy phenolic coated, DD 06/2021
Hik	2005	Crotia	39,999	7.75	Turkish	Pumproom type, M/E Man-B&W, stst heating coils, epoxy coated, DD 06/2021, SS 06/2023
			CONTAINERS			
Maullin	2010	China	81,002	26.00	Undisclosed	6589 teu, fully cellular, gearless, M/E Wartsila, SS passed 05/2020
APL England	2001	Korea	67,987	12.00	Technomar	5514 teu, fully cellular, gearless, DD/SS 02/2021
Gluecksburg	2008	China	23,710	5.10	Okee Maritime	1740 teu, fully cellular, ice class, Cr 2x45t, DD 12/2021, SS09/2023
Cap Papatele	2008	China	13,950	3.00	Chinese	Keel laid date 12/2004, 1022 teu, fully cellular, Cr 2x45t, DD/SS due 12/2020
Sonderborg	2006	China	13,710	2.65	Greek	1118 teu, fully cellular, ice class, Cr 2x45t, DD passed 02/2020, next DD/SS 02/2022

OTHERS						
Gas Beauty I	1982	Finland	55,361	12.00	Vietnamese	LPG, 74169 cbm, M/E Sulzer, DD/SS 04/2022
Excalibur	2012	Vietnam	5,312	11.00	Anthony Veder	LPG, keel laid date 10/2009, 4410 cbm, M/E Wartsila, SS 04/2022

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 30/10	Ngày 25/09	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	50.00	50.00	0.0	34.5	46.1	54.0
180k dwt	5 tuổi	27.00	27.50	-1.8	23.0	30.5	39.0
170k dwt	10 tuổi	20.50	20.50	-2.4	12.0	20.6	27.5
150k dwt	15 tuổi	12.50	12.50	0.0	6.5	12.5	16.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	30.00	30.00	0.0	22.5	28.7	32.0
82k dwt	5 tuổi	23.00	23.00	0.0	11.5	19.9	25.0
76k dwt	10 tuổi	13.50	13.50	0.0	7.3	12.5	16.5
74k dwt	15 tuổi	8.50	8.50	0.0	3.5	8.0	11.5
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	27.50	27.50	0.0	19.0	26.2	30.0
58k dwt	5 tuổi	16.00	16.00	0.04	11.0	16.1	20.5
56k dwt	10 tuổi	11.00	11.50	0.0	6.0	11.6	14.5
52k dwt	15 tuổi	7.00	7.00	0.0	3.5	7.4	10.5
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	21.50	21.50	0.0	17.0	21.6	24.5
37k dwt	5 tuổi	15.00	15.00	0.0	7.8	13.9	17.5
32k dwt	10 tuổi	8.50	8.50	0.0	6.0	9.1	12.5
28k dwt	15 tuổi	5.50	5.50	0.0	3.5	5.5	8.0

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 30/10	Ngày 25/09	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	91.00	91.00	0.0	82.0	93.3	106.0
310k dwt	5 tuổi	66.00	68.00	-2.9	60.0	70.4	84.0
250k dwt	10 tuổi	44.00	46.00	-4.3	38.0	47.2	59.0
250k dwt	15 tuổi	31.00	32.00	-3.1	21.5	30.3	41.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	61.00	61.00	0.0	54.0	63.7	73.0
150k dwt	5 tuổi	46.00	476.00	0.0	40.0	49.3	62.0
150k dwt	10 tuổi	31.00	31.00	0.0	25.0	33.8	44.5
150k dwt	15 tuổi	18.00	18.00	0.0	16.0	20.1	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	47.00	48.50	-3.1	43.5	50.4	57.0
110k dwt	5 tuổi	34.00	36.00	-5.6	29.5	36.9	47.5
105k dwt	10 tuổi	22.50	24.00	-6.3	18.0	24.6	33.0
105k dwt	15 tuổi	15.00	16.50	-9.1	11.0	14.6	21.0
MR							
52k dwt	Resale	37.00	37.00	0.0	33.0	36.6	40.0
52k dwt	5 tuổi	26.50	27.00	0.0	23.0	26.9	31.0
45k dwt	10 tuổi	15.50	18.00	0.0	14.5	17.9	21.0
45k dwt	15 tuổi	11.50	12.00	0.0	9.0	10.9	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	300,000 dwt	86.00	2	Hyundai HI	Cido Shipping, Hong Kong	2022	
Tanker	110,000 dwt	58.00-59.00	2	GSI, China	Viken Shipping, Norway	2023	Dual fuel propulsion, incl TC 7 years to Total

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)				Trong 5 năm qua		
	Ngày 30/10	Ngày 25/09	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	47.5	47.5	0.0	41.8	47.7	54.0
K.sarmax (82.000 dwt)	27.0	27.0	0.0	24.3	28.7	34.0
P.max (77.000 dwt)	26.0	26.0	0.0	23.8	27.9	33.0
Ultramax (64.000 dwt)	25.0	25.0	0.0	22.3	26.8	32.0
Handysize (37.000 dwt)	23.0	23.0	0.0	19.5	22.8	26.0
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	82.5	82.5	0.0	82.5	83.9	88.5
P.max (5.200 teu)	48.5	48.5	0.0	48.5	50.8	58.5
Sub P.max (2.5000 teu)	27.0	27.0	0.0	27.0	27.9	33.0
Feeder (1.700 teu)	21.5	21.5	0.0	21.5	22.9	27.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)				Trong 5 năm qua		
	Ngày 30/10	Ngày 25/09	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	86.5	87.0	-0.6	80.0	89.5	97.0
S.max (170.000 dwt)	57.0	57.0	0.0	53.0	59.5	65.0
A.max (115.000 dwt)	48.5	48.5	0.0	43.0	48.9	54.0
LR1 (75.000 dwt)	46.0	46.0	0.0	42.0	45.5	48.5
MR (56.000 dwt)	34.5	34.5	0.0	32.5	35.1	36.8
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	185.5	185.5	0.0	184.0	190.4	200.0
LPG LGC (80k cbm)	70.0	70.0	0.0	70.0	72.1	79.0
LPG MGC (55k cbm)	62.0	62.0	0.0	62.0	63.7	68.5
LPG SGC (25k cbm)	40.0	40.0	0.0	40.0	41.5	45.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tuần qua phân khúc **Ultramax và Supramax** lại giảm thêm 258 đô la Mỹ, hiện chốt ở mức 10.458 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, Port Shangahai (58.747 dwt, đóng 2011) được chốt giao ở Altamira đi chuyến Caribbean đến bờ tây Mexico với giá 12.500 đô la Mỹ. Refind Success chốt tàu West Bay (52.451 dwt, đóng 2004) giao ở Recalada và trả ở Tây Địa Trung Hải với giá khoảng 12.000 đô la Mỹ. Trong khi đó tại khu vực Thái Bình Dương, cước thuê tàu để chở than đá ở Indonesia đang chững lại do một số thay đổi. Một tàu 60k dwt giao CJK được chốt chuyến từ Bắc Thái Bình Dương về lại khu vực Singapore-Nhật Bản với giá 10.000 đô la Mỹ. Agricore chốt tàu Monica D (52.478 dwt, đóng 2011) nhận ở Zhanjiang đi một chuyến và trả ở Shidao với giá 10.000 đô la Mỹ. Belinda (63.338 dwt, đóng 2016) được chốt giao ở Caofeidian và trả ở Trung Quốc với giá dưới 10.000 đô la Mỹ. Bainbridge chốt tàu NS Dalian (56.745 dwt, đóng 2010) nhận Zhoushan và trả ở Bangladesh với giá 7.800 đô la Mỹ. Không có nhiều báo cáo mảng thuê định hạn.

Phân khúc **Handysize** cũng giảm 101 đô la Mỹ so với tuần trước đó. Thị trường đang bất ổn, nhiều chủ tàu liên tục giảm cước thuê như một điềm báo đáng ngại về Quý 4/2020. Tuy nhiên, tình hình khu vực lục địa già và Địa Trung Hải vẫn vững vàng và còn khá nhiều hợp đồng thuê định hạn. Western Bulk chốt tàu Nordic BC Munich (34.827 dwt, đóng 2012) hiện ở Morocco, được chốt chuyến từ Thụy Điển đi Marmara, Thổ Nhĩ Kỳ với giá 13.250 đô la Mỹ. Ngược lại, cước thuê quanh vịnh Hoa Kỳ đang giảm. Tàu Strategic Alliance (39.848 dwt, đóng 2014) được chốt giao vịnh Hoa Kỳ đi Tây Địa Trung Hải với giá 15.000 đô la Mỹ. Tàu Anne Mette Bulker (38.118 dwt, đóng 2012) được chốt nhận tại vịnh Acu, Brazil đi bờ tây Mexico để chở gang với giá khoảng 10.000 đô la Mỹ. Ở phía tây, có tin một tàu khoảng 35k dwt hiện ở CJK được chốt đi Bắc Thái Bình Dương chở sắt vụn đến Chittagong với giá khoảng 8.400-8.600 đô la Mỹ. Một tàu 34k dwt khác giao ở miền bắc Trung Quốc đang được đàm phán đi Bangladesh với giá hơn 7.700 đô la Mỹ. Ngoài ra, một tàu 39k dwt hiện ở CJK được chốt chuyến khứ hồi đi Úc với giá trên dưới 8.500 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 44/2020 vừa qua:

RATES/PANAMA (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 44	TUẦN 43	Mức thấp nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 44)	Mức cao nhất năm 2020 (cập nhật tới Tuần 44)
TRANSATLANTIC RV	12,265	11,340	767	20,450
TCT CONT/F.EAST	21,050	20,777	11,027	27,136
TCT F.EAST/CONT	3,984	4,089	388	4,674
TCT F.EAST RV	10,459	11,504	3,320	14,552
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,605	13,824	3,786	14,066
PACIFIC RV	8,832	9,057	3,771	9,927
TCT CONT/F.EAST	20,411	22,325	9,700	25,404

GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 30/10/2020

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	10,438	▼	258
SMALL HANDY	8,681	▼	101

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

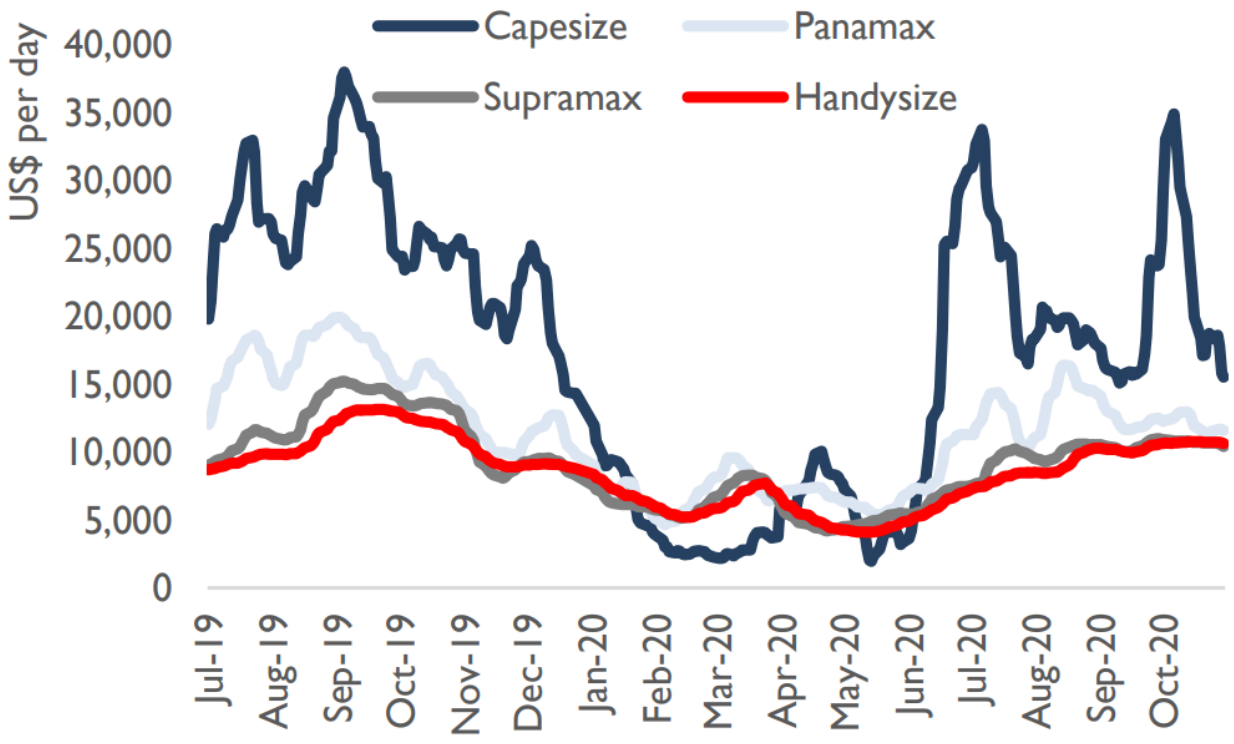

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

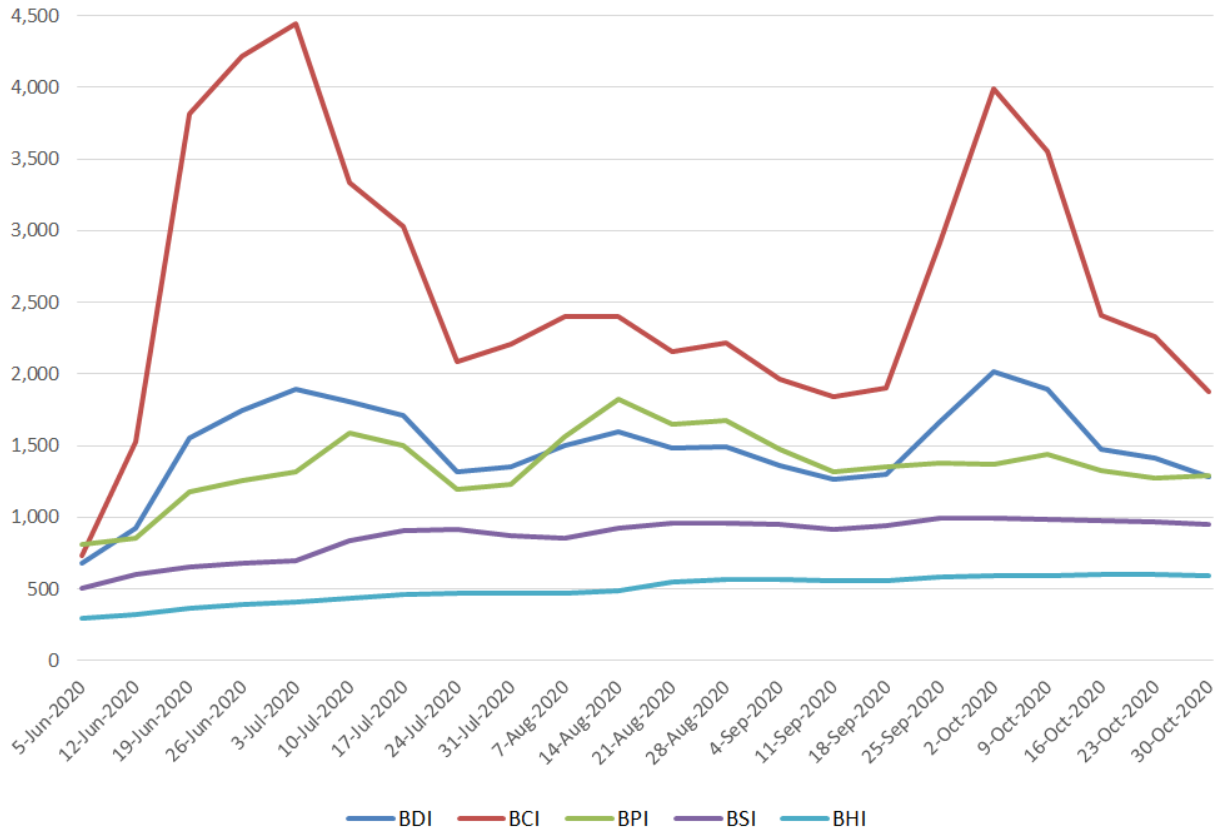

3.2. Thị trường thuê tàu dầu

Ở mảng thuê định hạn, IOC chốt tàu Concord (159.155 dwt, đóng 2005) khai thác trong vòng 2 năm với giá 22.800 đô la Mỹ. Saudi Aramco chốt tàu Lake Trout (73.580 dwt, đóng 2007) khai thác trong vòng 1 năm với giá 15.000 đô la Mỹ. Stenabulk chốt tàu Wisby Atlantic (49.614 dwt, đóng 2017) khai thác trong vòng 1 năm với giá 15.750 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 44			Giá thuê tàu định hạn tuần 43		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	29,500	31,000	32,500	31,000	32,000	34,500
SUEZMAX	21,000	23,500	25,500	22,000	24,000	26,500
AFRAMAX	18,750	20,500	22,000	19,250	21,000	22,500
LR-2	19,000	21,500	22,000	19,500	22,000	22,500
LR-1	14,750	15,750	15,750	15,000	16,000	17,000
MR	14,500	15,000	15,000	14,500	15,000	16,000
HANDY	12,500	14,500	14,500	12,500	14,500	14,500

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

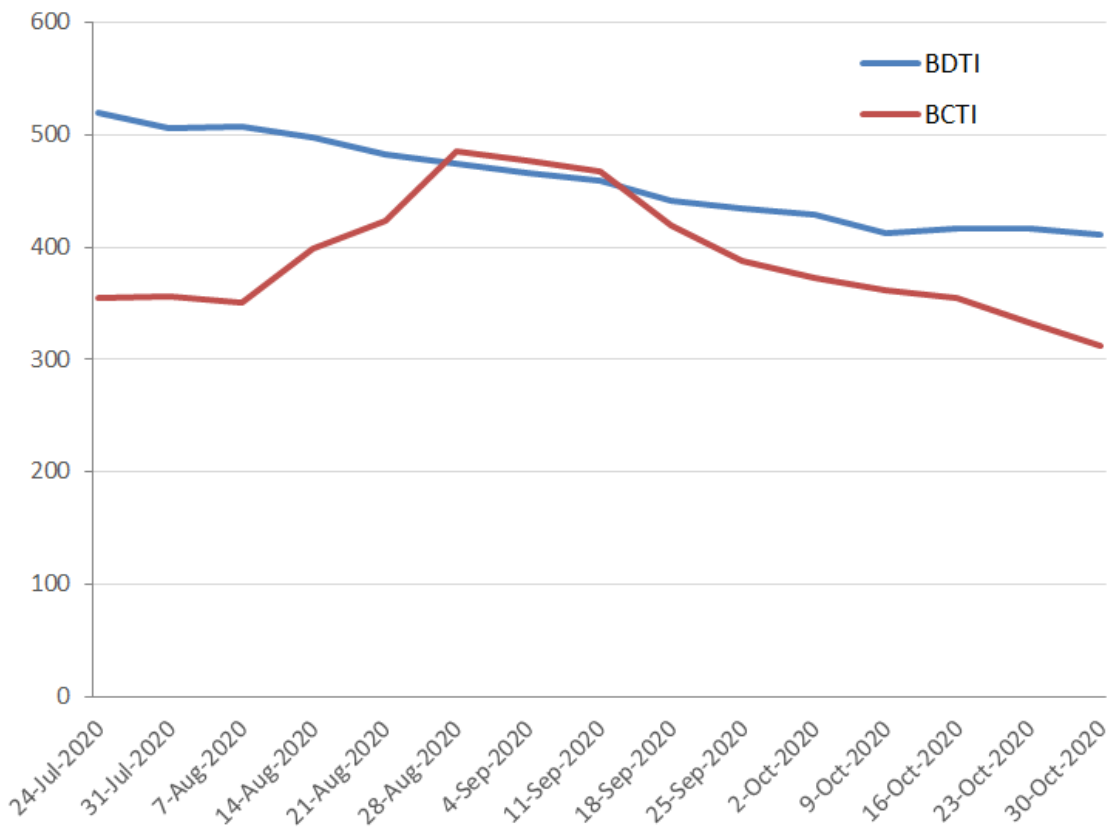

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	350		360	
2	Pakistan	360		370	
3	India	340	▲ 20	350	▲ 10
4	Turkey	195		205	

(đơn vị tính: usd/lt ldt, 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 44/2020

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US$/lt)	Dwt	Comments
Dynamic Producer	Tanker	1987	33,032	Undisclosed	283.00	111,567	As is Brazil
Stellar Ocean	Bulker	1994	43,200	Undisclosed	392.00	305,608	Subcont options
Stellar Beauty	Bulker	1993	46,194	Undisclosed	392.00	291,435	Subcont options
Karnika	Passenger	1990	29,773	India	385.00	6,261	Sold at auction, dely Mumbai

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn
Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.